

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Đ
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 19/03/2024
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Văn Nam.

2. Bà: Lê Thu Trà.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Trần Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Táp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị L, sinh năm 1989. Nơi thường trú: khu C, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q (có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đào Đức Minh, sinh năm 1984. Nơi thường trú: tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

- *Về tình cảm:* Chị và anh Đào Đức Mkết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Đ, tỉnh Q vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Quá trình

chung sống đến tháng 02 năm 2009 thì mẹ chồng chị có cho chồng chị một thửa đất 92m² để xây nhà. Khi mẹ chồng chị cho có nói cứ xây nhà đi mẹ sẽ tách sổ sau. Đến khi tách sổ mẹ chồng chị tách sổ cho em chồng chị và có gọi chồng chị đến ký, nói là làm sổ cho hai anh em. Vợ chồng chị có chuẩn bị giấy tờ đầy đủ để làm sổ đỏ. Nhưng đến lúc lấy sổ chỉ có em chồng chị có sổ, chồng chị không có sổ. Vậy là từ đó chồng chị sinh ra chán nản và thường xuyên uống rượu say xỉn, đi làm thì buổi làm buổi nghỉ. Đến cuối tháng 12 năm 2020 chồng chị chấm dứt hợp đồng lao động. Từ đó chồng chị ở nhà không chịu làm ăn gì. Đến tháng 9 năm 2021 mẹ chồng chị chết, chồng chị lại càng chán nản hơn và càng uống rượu nhiều hơn thậm chí còn hay đánh chửi con. Chị đi làm cả ngày vất vả, đêm về chồng chị cũng không để chị yên. Đến tháng 6/2022 con chị học xong, chị chuyển trường cho con về ngoại ở H và hai mẹ con chị chuyển về nhà ngoại ở phường H sinh sống, chồng chị vẫn thường xuyên đến quấy rối. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị ly hôn với anh Đào Đức Minh.

- *Về con chung*: Chị và anh Đào Đức M có 02 (hai) con chung là Đào Đức B, sinh ngày 28/4/2010 và Đào Mai T, sinh ngày 03/10/2012. Khi ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu anh Đào Đức M cấp dưỡng.

- *Về tài sản và các khoản nợ chung*: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đào Đức M được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Do đó không có lời khai thể hiện quan điểm của anh Đào Đức M.

* Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 (một) căn cước công dân mang tên Ngô Thị L (bản sao); 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Đào Đức M (bản sao); 02 (hai) Giấy khai sinh con chung (bản sao); 01 (một) Xác nhận thông tin về nơi cư trú của chị L (bản chính).

* Các chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án: Bản tự khai của chị Ngô Thị L ngày 23/11/2023; 02 Biên bản lấy lời khai của con chung Đào Mai T và Đào Đức M cùng ngày 23/11/2023; 01 Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Ngô Thị L và anh Đào Đức M ngày 13/12/2023.

* Nội dung mâu thuẫn cũng được chính quyền địa phương xác nhận tại biên bản xác minh ngày 13/12/2023 thể hiện: Chị Ngô Thị L và anh Đào Đức M kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M. Sau khi kết hôn cả hai chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh M ở tổ 3, khu V, phường M và có với nhau 02 con chung là Đào Đức B sinh năm 2010 và Đào Mai T sinh năm 2012. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng vài năm trở lại đây anh M nghỉ làm công nhân, thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi bới vợ con. Chị L đã đưa hai con chung về nhà ngoại tại khu C, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q sống từ giữa năm 2022 đến nay.

* 02 (hai) Biên bản lấy lời khai của con chung Đào Đức B và Đào Mai T cùng ngày 23/11/2023 đều có nội dung thể hiện quan điểm của cả hai cháu là muốn ở cùng với mẹ là chị Ngô Thị L.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm HĐXX nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*".

+ Về tình cảm: Xử cho chị Ngô Thị L được ly hôn với anh Đào Đức Minh.

+ Về con chung: Giao con chung Đào Đức B, sinh ngày 28/4/2010 và Đào Mai T, sinh ngày 03/10/2012 cho chị Ngô Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Đào Đức M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Ngô Thị L và có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản và khoản nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu, nên không xét.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Ngô Thị L khởi kiện "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" đối với bị đơn anh Đào Đức M có nơi thường trú tại tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị L có đơn xin xử vắng mặt và bị đơn anh Đào Đức M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Ngô Thị L:

- Về quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị L và anh Đào Đức M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh M không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi bới vợ con, không chịu đi làm để giúp đỡ gia đình. Đến giữa năm 2022 thì chị L và anh M sống ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn đã được xác M tại chính quyền địa phương có nội dung thể hiện đúng như nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án anh Đào Đức M đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết các thủ tục tố tụng nhưng anh M từ chối không nhận, không thực hiện và không ký văn bản tố tụng. Như vậy đã thể hiện anh M không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Từ những căn cứ trên có đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Ngô Thị L và anh Đào Đức M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị L đối với anh Đào Đức Minh.

- Về con chung:

Chị Ngô Thị L yêu cầu được nuôi 02 con chung là Đào Đức B, sinh ngày 28/4/2010 và Đào Mai T, sinh ngày 03/10/2012 và không yêu cầu anh Đào Đức M cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện tại chị L cùng 02 con chung đã về ở tại nhà bố mẹ đẻ của chị L ổn định từ giữa năm 2022 cho đến nay và đồng thời chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Mặt khác các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Việc giao cả hai con chung cho chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với thực tế.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu được nuôi cả hai con chung của chị Ngô Thị L đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị L không yêu cầu anh Đào Đức M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật..

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Đào Đức M.

**Về tình cảm:* Chị Ngô Thị L được ly hôn với anh Đào Đức Minh.

**Về con chung:* Giao con chung Đào Đức B, sinh ngày 28/4/2010 và Đào Mai T, sinh ngày 03/10/2012 cho chị Ngô Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đào Đức M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Ngô Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đào Đức M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

** Về án phí:*

Buộc chị Ngô Thị L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q, theo biên lai thu tiền số: 0003302 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q.

** Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh